

QUYẾT ĐỊNH

Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (tiếp theo) Dự án đầu tư xây dựng mới Nhà làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện Nhơn Trạch; Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Huyện ủy Nhơn Trạch

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 759/BC-SKHĐT ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (tiếp theo) Dự án đầu tư xây dựng mới Nhà làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện Nhơn Trạch; Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Huyện ủy Nhơn Trạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (tiếp theo) Dự án đầu tư xây dựng mới Nhà làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện Nhơn Trạch; Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Huyện ủy Nhơn Trạch, với nội dung chi tiết theo phụ lục 01, 02 đính kèm.

Điều 2. UBND huyện Nhơn Trạch chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định và lưu ý:

- Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn để có tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu phù hợp, khi ký hợp đồng với nhà thầu có thỏa thuận rõ, tránh việc nhà thầu thắc mắc yêu cầu bổ sung kế hoạch vốn.

- Chủ đầu tư quản lý đầu tư xây dựng công trình theo quy định và lưu ý thực hiện nội dung đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 759/BC-SKHĐT ngày 27 tháng 10 năm 2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND huyện Nhơn Trạch chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

Nguyễn Quốc Hùng

PHỤ LỤC 01 KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

S T T	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu 03 (xây dựng): Xây dựng mới Nhà làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện Nhơn Trạch; Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Huyện ủy Nhơn Trạch; nội dung công việc theo Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.	6.377.427.000 (Sáu tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện Nhơn Trạch	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 330 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
2	Gói thầu số 04 (xây dựng): Hệ thống phòng cháy chữa cháy, báo cháy và chống sét; nội dung công việc theo Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.	142.120.000 (Một trăm bốn mươi hai triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện Nhơn Trạch	Chỉ định thầu rút gọn		Quý I năm 2021	Trọn gói	Tối đa 120 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

3	Gói thầu số 05 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt thiết bị Khối nhà làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; bao gồm số lượng và chủng loại thiết bị theo phụ lục II đính kèm.	1.866.700.000 (Một tỷ, tám trăm sáu mươi bảy trăm nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện Nhơn Trạch	Chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý II năm 2021	Trọn gói	Tối đa 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
4	Gói thầu số 06 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt thiết bị Khối sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Huyện ủy, bao gồm số lượng và chủng loại thiết bị theo phụ lục II đính kèm.	1.099.900.000 (Một tỷ, không trăm chín mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện Nhơn Trạch	Chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý II năm 2021	Trọn gói	Tối đa 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
5	Gói thầu số 07 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy, bao gồm số lượng và chủng loại thiết bị theo phụ lục II đính kèm.	594.311.000 (Năm trăm chín mươi bốn triệu, ba trăm mười một nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện Nhơn Trạch	Chỉ định thầu rút gọn		Quý II năm 2021	Trọn gói	Tối đa 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
6	Gói thầu số 08 (tư vấn): Giám sát thi công xây dựng gói thầu số 03, 04.	205.965.000 (Hai trăm linh năm triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện Nhơn Trạch	Chỉ định thầu rút gọn		Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 330 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

7	Gói thầu số 09 (tư vấn): Giám sát lắp đặt thiết bị gói thầu số 05, 06, 07.	10.036.000 (Mười triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện Nhơn Trạch	Chỉ định thầu rút gọn		Quý II năm 2021	Trọn gói	Tối đa 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
8	Gói thầu số 10 (tư vấn): Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT gói thầu số 03.	27.662.000 (Hai mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện Nhơn Trạch	Chỉ định thầu rút gọn		Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 60 ngày cho tổng các công việc, trong đó thời gian đánh giá E-HSDT tối đa 25 ngày
9	Gói thầu số 11 (tư vấn): Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT gói thầu số 05, 06.	12.682.000 (Mười hai triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện Nhơn Trạch	Chỉ định thầu rút gọn		Quý II năm 2021	Trọn gói	Tối đa 60 ngày cho tổng các công việc, trong đó thời gian đánh giá E-HSDT tối đa 25 ngày
10	Gói thầu số 12 (tư vấn): Thẩm định giá thiết bị gói thầu số 05, 06, 07.	17.800.000 (Mười bảy triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện Nhơn Trạch	Chỉ định thầu rút gọn		Quý I năm 2021	Trọn gói	Tối đa 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
11	Gói thầu số 13 (tư vấn): Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 03.	5.926.000 (Năm triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện Nhơn Trạch	Chỉ định thầu rút gọn		Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 10 ngày đối với mỗi loại công việc

12	Gói thầu số 14 (tư vấn): Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 05, 06.	3.237.000 (Ba triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện Nhơn Trạch	Chỉ định thầu rút gọn		Quý II năm 2021	Trọn gói	Tối đa 10 ngày đối với mỗi loại công việc
13	Gói thầu số 15 (tư vấn): Bảo hiểm rủi ro của chủ đầu tư trong quá trình thi công xây dựng gói thầu số 03, 04.	8.475.000 (Tám triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện Nhơn Trạch	Chỉ định thầu rút gọn		Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 695 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
Tổng giá trị các gói thầu		10.372.241.000 đồng (Mười tỷ, ba trăm bảy mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn đồng chẵn).						

PHỤ LỤC II KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2020 của Chủ tịch UBND
tỉnh Đồng Nai).

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi phí	Kí hiệu	Số lượng	Thành tiền
Gói thầu số 05 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt thiết bị Khối nhà làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.				
VI	HỘI CHIẾN SỸ CÁCH MẠNG BỊ ĐỊCH BẮT TÙ ĐÀY			
1	Bàn ghế làm việc	bộ	3	9.000.000
2	Bàn ghế tiếp khách	bộ	1	7.000.000
3	Màn cửa cuốn	m2	12	6.600.000
4	Máy vi tính	bộ	3	39.000.000
5	Máy in A4	cái	1	7.000.000
6	Tủ đựng hồ sơ	cái	3	15.000.000
7	Cây làm nóng lạnh nước uống	cái	1	4.500.000
8	Máy lạnh	bộ	1	20.790.000
9	Máy Scanner	cái	1	2.640.000
10	Kệ treo tường	cái	3	15.000.000
VII	HỘI NÔNG DÂN			
1	Bàn ghế làm việc	bộ	4	12.000.000
2	Ghế tiếp khách	cái	8	5.280.000
3	Bàn ghế tiếp khách	bộ	1	7.000.000
4	Màn cửa cuốn	m2	24	13.200.000
5	Máy lạnh	bộ	1	20.790.000
6	Máy vi tính	bộ	4	52.000.000
7	Tủ đựng hồ sơ	cái	4	20.000.000
8	Cây làm nóng lạnh nước uống	cái	1	4.500.000
VIII	HỘI NGƯỜI CAO TUỔI			
1	Bàn ghế làm việc	bộ	3	9.000.000
2	Ghế tiếp khách	cái	6	3.960.000
3	Màn cửa cuốn	m2	12	6.600.000
4	Máy vi tính	bộ	3	39.000.000
5	Máy in A4	cái	1	7.000.000
6	Tủ đựng hồ sơ	cái	3	15.000.000
7	Cây làm nóng lạnh nước uống	cái	1	4.500.000
8	Máy lạnh	bộ	1	20.790.000
9	Máy in kim A3	cái	1	17.050.000
10	Máy Scanner	cái	1	2.640.000
11	Kệ treo tường	cái	3	15.000.000

STT	Nội dung chi phí	Kí hiệu	Số lượng	Thành tiền
IX	ỦY BAN MTTQ			
IX.1	Phòng làm việc MTTQ1			
1	Bàn ghế làm việc	bộ	1	3.000.000
2	Máy vi tính	bộ	1	13.000.000
3	Màn cửa cuốn	m2	12	6.600.000
4	Tủ đựng hồ sơ	cái	1	5.000.000
5	Máy lạnh	bộ	1	20.790.000
6	Ghế tiếp khách	cái	2	1.320.000
7	Bàn ghế tiếp khách	bộ	1	7.000.000
IX.2	Phòng làm việc MTTQ2			
1	Bàn ghế làm việc	bộ	2	6.000.000
2	Ghế họp	cái	10	15.400.000
3	Bàn họp (10 chỗ ngồi)	bộ	1	4.400.000
4	Máy vi tính	bộ	2	26.000.000
5	Màn cửa cuốn	m2	12	6.600.000
6	Máy lạnh	bộ	1	20.790.000
7	Tủ đựng hồ sơ	cái	2	10.000.000
8	Máy in A4	cái	1	7.000.000
IX.3	Phòng làm việc MTTQ3			
1	Bàn ghế làm việc	bộ	3	9.000.000
2	Ghế tiếp khách	cái	6	3.960.000
3	Máy vi tính	bộ	3	39.000.000
4	Máy lạnh	bộ	1	20.790.000
5	Tủ đựng hồ sơ	cái	3	15.000.000
6	Máy in A4	cái	1	7.000.000
IX.4	Phòng làm việc MTTQ4			
1	Bàn ghế làm việc	bộ	2	6.000.000
2	Ghế tiếp khách	cái	6	3.960.000
3	Máy vi tính	bộ	2	26.000.000
4	Màn cửa cuốn	m2	12	6.600.000
5	Tủ đựng hồ sơ	cái	2	10.000.000
6	Máy lạnh	bộ	1	20.790.000
7	Máy in A4	cái	1	7.000.000
8	Cây làm nóng lạnh nước uống	cái	1	4.500.000
9	Ghế khách chờ hành lang	cái	6	6.270.000
IX.5	Phòng họp			
1	Bàn ghế họp (30 chỗ ngồi)	bộ	1	90.000.000
2	Tivi 50inch	cái	1	22.000.000
3	Bàn nước	cái	1	5.000.000
4	Máy tính (laptop)	cái	1	15.000.000
5	Màn cửa cuốn	m2	24	13.200.000
6	Cây làm nóng lạnh nước uống	cái	1	4.500.000

STT	Nội dung chi phí	Kí hiệu	Số lượng	Thành tiền
7	Máy chiếu	cái	1	44.000.000
8	Bục đứng phát biểu	cái	1	2.200.000
9	Bục để Bức	cái	1	4.400.000
10	Tượng Bức	cái	1	7.150.000
11	Máy lạnh	bộ	2	41.580.000
12	Máy photocopy	cái	1	44.000.000
13	Hệ thống âm thanh	HT	1	60.000.000
X	HỘI CỰU CHIẾN BINH			
1	Ghế nhân viên	cái	4	2.640.000
2	Bàn ghế họp BCH-BTV-TT (12 chỗ ngồi)	bộ	1	36.000.000
3	Tủ đựng hồ sơ	cái	2	10.000.000
4	Máy vi tính	bộ	2	26.000.000
5	Máy in A4	cái	1	7.000.000
6	Máy lạnh	bộ	2	41.580.000
7	Bàn ghế tiếp khách	bộ	1	7.000.000
8	Bàn làm việc	cái	1	1.500.000
XI	HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ			
XI.1	Phòng 1			
1	Bàn ghế làm việc	bộ	1	3.000.000
2	Bàn ghế tiếp khách	bộ	1	7.000.000
3	Màn cửa cuốn	m2	12	6.600.000
4	Máy vi tính	bộ	1	13.000.000
5	Máy in A4	cái	1	7.000.000
6	Máy lạnh	bộ	1	20.790.000
7	Cây làm nóng lạnh nước uống	cái	1	4.500.000
8	Tủ đựng hồ sơ	cái	1	5.000.000
XI.1	Phòng 2			
1	Bàn ghế làm việc	bộ	3	9.000.000
2	Bàn ghế tiếp khách	bộ	1	7.000.000
3	Màn cửa cuốn	m2	12	6.600.000
4	Máy vi tính	bộ	3	39.000.000
5	Máy lạnh	bộ	1	20.790.000
6	Máy in A4	cái	1	7.000.000
7	Cây làm nóng lạnh nước uống	cái	1	4.500.000
8	Tủ đựng hồ sơ	cái	3	15.000.000
XII	HUYỆN ĐOÀN			
XII.1	Huyện đoàn lãnh đạo			
1	Bàn ghế làm việc	bộ	3	9.000.000
2	Máy vi tính	bộ	3	39.000.000
3	Máy in A4	cái	1	7.000.000
4	Tủ đựng hồ sơ	cái	3	15.000.000

STT	Nội dung chi phí	Kí hiệu	Số lượng	Thành tiền
5	Màn cửa cuốn	m2	12	6.600.000
6	Máy lạnh	bộ	1	20.790.000
7	Bàn ghế tiếp khách	bộ	1	7.000.000
XII.2	Huyện đoàn chuyên môn + cán bộ đề án			
1	Bàn ghế làm việc	bộ	9	27.000.000
2	Máy vi tính	bộ	9	117.000.000
3	Máy in A4	cái	1	7.000.000
4	Tủ đựng hồ sơ	cái	5	25.000.000
5	Màn cửa cuốn	m2	12	6.600.000
6	Máy lạnh	bộ	2	41.580.000
7	Ghế tiếp khách	cái	10	6.600.000
8	Cây làm nóng lạnh nước uống	cái	1	4.500.000
XIII	HỘI CHỮ THẬP ĐỎ			
1	Bàn ghế làm việc	bộ	5	15.000.000
2	Máy lạnh	bộ	1	20.790.000
3	Bàn ghế tiếp khách	bộ	1	7.000.000
4	Màn cửa cuốn	m2	12	6.600.000
5	Máy vi tính	bộ	4	52.000.000
6	Tủ đựng hồ sơ	cái	4	20.000.000
7	Cây làm nóng lạnh nước uống	cái	1	4.500.000
	TỔNG CỘNG			1.866.700.000
Gói thầu số 06 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt thiết bị Khôi sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Huyện ủy.				
I	VĂN PHÒNG HUYỆN ỦY			
I.1	Phòng khánh tiết			
1	Salon gỗ	bộ	1	20.000.000
2	Thảm trải	m2	25	55.000.000
3	Bình cắm hoa	cái	7	6.930.000
4	Tượng Bác	cái	1	11.000.000
5	Bục gỗ đặt tượng Bác	cái	1	7.000.000
6	Máy lạnh 2hp	bộ	1	20.790.000
7	Lục bình chưng hoa	cái	2	17.000.000
I.2	Phòng tiếp dân			
1	Máy lạnh 2hp	bộ	1	20.790.000
2	Tủ lạnh	cái	1	8.690.000
3	Tủ đựng hồ sơ	cái	2	10.000.000
4	Điện thoại bàn	cái	1	300.000
5	Máy vi tính	bộ	1	13.000.000
I.3	Phòng phục vụ			

STT	Nội dung chi phí	Kí hiệu	Số lượng	Thành tiền
1	Tủ ly	cái	2	5.500.000
2	Tủ lạnh	cái	1	8.690.000
3	Quạt hơi nước	cái	2	7.000.000
4	Bàn nước	cái	2	10.000.000
5	Bình đun nước siêu tốc	cái	2	3.300.000
6	Bộ ly chén tiếp khách	bộ	10	11.000.000
7	Xe đẩy nước	cái	1	7.700.000
I.4	Phòng giải lao			
1	Bàn inox tròn	cái	10	24.750.000
2	Ghế inox	cái	100	13.200.000
3	Máy lạnh	bộ	1	20.790.000
I.5	Phòng lưu trữ (Chánh VP)			
1	Tủ hồ sơ lưu trữ	cái	10	50.000.000
2	Máy lạnh	bộ	1	20.790.000
I.6	Phòng lưu trữ (UBKT)			
1	Tủ hồ sơ lưu trữ	cái	10	50.000.000
2	Máy lạnh	bộ	1	20.790.000
I.6	Phòng lưu trữ (Ban tổ chức)			
1	Tủ hồ sơ lưu trữ	cái	20	100.000.000
2	Máy lạnh	bộ	2	41.580.000
I.6	Phòng lưu trữ (Ban tuyên giáo)			
1	Tủ hồ sơ lưu trữ	cái	10	50.000.000
2	Máy lạnh	bộ	1	20.790.000
II	BAN TUYÊN GIÁO			
1	Máy vi tính	bộ	2	26.000.000
2	Máy in A4	bộ	2	14.000.000
3	Máy lạnh 2hp	bộ	1	20.790.000
4	Tủ đựng hồ sơ	cái	2	10.000.000
5	Ghế ngồi làm việc lãnh đạo	cái	1	1.000.000
III	BAN DÂN VẬN			
1	Máy vi tính	bộ	4	52.000.000
2	Máy in A4	bộ	3	21.000.000
3	Máy lạnh	bộ	3	62.370.000
4	Bàn ghế làm việc	bộ	4	12.000.000
5	Tủ đựng hồ sơ	cái	4	20.000.000
6	Bình nước nóng lạnh	bình	3	11.550.000
7	Bàn ghế tiếp khách	bộ	2	14.000.000
9	Tủ lạnh	cái	2	17.380.000
IV	ỦY BAN KIỂM TRA			
1	Tủ đựng hồ sơ	cái	1	5.000.000

STT	Nội dung chi phí	Kí hiệu	Số lượng	Thành tiền
2	Bàn ghế họp hình chữ nhật (15 chỗ ngồi)	bộ	1	45.000.000
V	BAN TỔ CHỨC			
1	Máy vi tính	bộ	3	39.000.000
2	Máy photocopy	cái	1	44.000.000
3	Máy lạnh	bộ	1	20.790.000
4	Máy Scanner	cái	1	2.640.000
5	Tủ đựng hồ sơ đang viên	cái	1	5.000.000
	TỔNG CỘNG			1.099.900.000
Gói thầu số 07 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy.				
I	Hệ thống cấp nước			
1	Bơm điện 3m ³ /h, H=30m,	Bộ	2	17.200.000
II	HỆ THỐNG PCCC + CHỐNG SÉT			
	HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY			
1	Bơm diesel dùng cho PCCC - Công suất: Q=72m ³ /h; H=60m	Cái	1	147.851.000
2	Bơm điện dùng cho PCCC - Công suất: Q=72m ³ /h; H=60m	Cái	1	85.800.000
3	Bơm điện dùng cho bù áp - Công suất: Q=5m ³ /h; H=69m	Cái	1	32.285.000
4	Van an toàn Ø60	Cái	1	2.860.000
5	Van khóa Ø114 (Van bướm Ø114)	Cái	4	3.718.000
6	Van một chiều Ø114	Cái	2	2.145.000
7	Van khóa Ø60 (Van bướm Ø60)	Cái	2	1.287.000
8	Van một chiều Ø60	Cái	1	529.100
9	Chống rung Ø114	Cái	2	1.276.000
10	Chống rung Ø60	Cái	1	330.000
11	Chống rung chân máy bơm	Cái	12	4.620.000
12	Lúp be Ø114	Cái	2	4.400.000
13	Lúp be Ø60	Cái	1	1.408.000
14	Y lọc Ø114	Cái	2	4.840.000
15	Y lọc Ø60	Cái	1	1.408.000
16	Van khóa Ø42, mỗi nước	Cái	3	1.155.000
17	Công tắc áp lực	Bộ	1	869.000

STT	Nội dung chi phí	Kí hiệu	Số lượng	Thành tiền
18	Đồng hồ đo áp lực 15kg/m ³ .	Bộ	3	2.640.000
19	Tủ điện chuyên dùng cho 3 bơm PCCC	Cái	1	24.200.000
20	Aptomat 3P- 100A.	Cái	1	1.485.000
21	Nội quy tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy	Bộ	6	528.000
22	Trụ tiếp nước ngoài nhà	Cái	1	1.364.000
23	Trụ chữa cháy ngoài nhà	Cái	2	3.300.000
24	Tủ đựng vòi chữa cháy ngoài nhà - Kích thước C700x N500x S220mm - Sơn tĩnh điện màu đỏ, 2 lớp, cửa có kính - Tôn kẽm dày 1.2mm	Cái	2	1.600.000
25	Cuộn vòi chữa cháy Ø65, loại 20m	Cuộn	4	4.400.000
26	Lăng phun nước Ø65	Cái	2	286.000
27	Hộp chữa cháy vách tường - Kích thước: 400x600x200mm - Chất liệu: Tole thép sơn tĩnh điện 2 lớp, dày 0.8mm - Màu đỏ, sơn tĩnh điện - Có cửa kính và khóa - TCVN 6379 -1998	Cái	3	1.914.000
28	Vòi chữa cháy Ø50, loại 20m	Cuộn	3	2.640.000
29	Van góc chữa cháy Ø50	Cái	3	1.914.000
30	Lăng phun nước Ø50	Cái	3	363.000
31	Ngoàm cứu hỏa Ø50	Cái	3	363.000
32	Bình chữa cháy CO ₂ MT3 (3KG)	Bình	6	2.970.000
33	Bình chữa cháy bột MFZL8 (8KG)	Bình	6	2.640.000
34	Kệ đựng bình chữa cháy	cái	6	1.782.000
35	Hộp đựng dụng cụ phá dỡ thông thường bao gồm: + 01 kìm cộng lực + 01 xà beng + 01 búa + 01 cưa sắt	bộ	1	1.980.000

STT	Nội dung chi phí	Kí hiệu	Số lượng	Thành tiền
36	Nhà che máy bơm 3,0x3,0x3,0 m - Khung thép V50 X50 X4, sơn dầu 2 lớp màu đỏ - Song sắt phi 16, sơn dầu 2 lớp màu đỏ - Mái lợp tôn sóng vuông - Cửa + khóa an toàn	Cái	1	14.850.000
	HỆ THỐNG BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG			
37	Trung tâm báo cháy 4 ZONE loại chuyên dùng	Bộ	1	7.920.000
38	Ắc quy dự phòng 24V	Bộ	1	825.000
39	Đầu báo khói	Bộ	24	12.792.000
40	Đế đầu dò khói	Cái	24	3.696.000
41	Nút nhấn khẩn cấp	Cái	3	750.000
42	Bộ Còi + đèn báo cháy ngoài trời	Cái	3	5.940.000
43	Điện trở cuối đường dây	Cái	3	165.000
	HỆ THỐNG ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ, ĐÈN EXIT			
44	MCB 1P 16A	Cái	1	352.000
45	Đèn chiếu sáng sự cố	Bộ	8	2.816.000
46	Đèn chỉ dẫn thoát nạn	Bộ	4	1.408.000
47	Đèn Exit	Bộ	2	704.000
	HỆ THỐNG CHỐNG SÉT ĐÁNH THẲNG			
48	Kim thu sét bán kính bảo vệ R $\geq 80m$ (Không bao gồm nhân công)	Cái	1	24.200.000
49	Chi phí đo, kiểm tra hệ thống	Kim	1	2.200.000
	TRANG PHỤC CHỮA CHÁY CHO ĐỘI CHỮA CHÁY CƠ SỞ 25 NGƯỜI			
50	Vòi chữa cháy Ø65, loại 20 mét	Cuộn	6	6.600.000
51	Lăng phun nước chuyên dùng Ø65 Chất liệu gang, hợp kim nhôm Kích cỡ 65x13	Cái	2	286.000

STT	Nội dung chi phí	Kí hiệu	Số lượng	Thành tiền
52	Khóa mở trụ nước đa năng	Cái	1	792.000
53	Bình chữa cháy tại chỗ ABC F8 (bột)	Bộ	5	2.640.000
54	Bình chữa cháy tại chỗ MT5 (CO2)	Bộ	5	3.740.000
55	Mũ chữa cháy (theo quy định tại Thông tư số 48/2015/TT-BCA ngày 6/11/2015 của Bộ Công An), dán tem kiểm định của Cục Cảnh sát PCCC.	Bộ	25	30.250.000
56	Quần áo chữa cháy (theo quy định tại Thông tư số 48/2015/TT-BCA ngày 6/10/2015 của Bộ Công An) dán tem kiểm định của Cục Cảnh sát PCCC	Bộ	25	30.250.000
57	Găng tay chữa cháy (theo quy định tại Thông tư số 48/2015/TT-BCA ngày 6/10/2015 của Bộ Công An) dán tem kiểm định của Cục Cảnh sát PCCC	Bộ	25	12.375.000
58	Ủng chữa cháy (theo quy định tại Thông tư số 48/2015/TT-BCA ngày 6/10/2015 của Bộ Công An) dán tem kiểm định của Cục Cảnh sát PCCC	Bộ	25	19.800.000
59	Khẩu trang lọc độc (chữa cháy)	Cái	25	2.200.000
60	Đèn pin ánh sáng vàng - Chất liệu: Nhôm Aluminum - Sử dụng 1 bóng Led Krypton - Dùng 2 pin D	Cái	2	2.420.000
61	Câu liềm chữa cháy chuyên dụng	Cái	2	880.000
62	Bộ đàm - Số kênh nhớ: 12CH - Công suất phát: 5 W - Chống nước - Chịu va đập, chấn động - Sạc nhanh trong vòng 2 h - Dung lượng Pin lớn giúp thời gian đàm thoại	Bộ	2	9.900.000

STT	Nội dung chi phí	Kí hiệu	Số lượng	Thành tiền
63	Dây cứu người chuyên dụng: - Vật liệu: sợi polyester chịu nhiệt với 3 lớp bột. Có dây bện cố định. - Đường kính: Φ 14mm. - Chiều dài: 20 mét/cuộn. Có móc D ở đầu. - Màu sắc: màu vàng.	Dây	2	4.400.000
64	Hộp sơ cứu xách tay (kèm theo các dụng cụ cứu thương, sơ cứu bỏng) theo Thông tư 09/2000/TT-BCA của Bộ Y Tế	Bộ	1	4.950.000
65	Thang nhôm chữa cháy chiều cao 4,4 mét; chiều cao thu gọn 0,85 mét; trọng lượng 16kg; tải trọng 150 kg - công nghệ Nhật Bản	Cái	2	11.880.000
66	Loa Pin chữa cháy - Có còi hú báo động đẹp đường và chỉ huy - Công suất 20 W - Sử dụng 6 pin loại C	Cái	2	1.980.000
	TỔNG CỘNG			594.311.100